

## BIỂU TƯỢNG CÁ TRONG CA DAO DÂN CA NAM BỘ

• ThS. Đào Duy Tùng<sup>(\*)</sup>, Đoàn Thị Phương Lam<sup>(\*\*)</sup>

### Tóm tắt

*Biểu tượng là cách con người lấy cái này để thay thế cái khác. Biểu tượng diễn đạt một cách cụ thể khả năng tư duy vô tận của trí tưởng tượng và mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc. Đối với người Việt Nam nói chung và người Nam Bộ nói riêng, cá là một biểu tượng mang đậm dấu ấn văn hóa của cư dân nông nghiệp vùng sông nước. Bài viết này nghiên cứu biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ, qua đó chỉ ra rằng cá được nhân hóa hay mang ý niệm của con người. Biểu tượng cá đã tạo nên một bức tranh về sự chuyển hóa, sự kháng khí giữa người và vật.*

*Từ khóa: biểu tượng, cá, ca dao dân ca Nam Bộ.*

### 1. Đặt vấn đề

Jean Chevalier và Alain Gheerbrant chỉ ra: “Lịch sử của biểu tượng xác nhận rằng mọi vật đều có thể mang giá trị biểu tượng, dù là vật tự nhiên (đá, kim loại, cây cối, hoa, quả, thú vật, suối, sông và đại dương, núi và thung lũng, hành tinh, lửa, sấm sét...) hay là trừu tượng (hình học, con số, nhịp điệu, ý tưởng...)” [1]. Theo Petit Larousse (1993), “biểu tượng (symbol) là một dấu hiệu hình ảnh, con vật hay đồ vật, biểu thị một điều trừu tượng; nó là hình ảnh cụ thể của một sự vật hay một điều gì đó”. Nhà Phân tâm học Thụy Sĩ C. G. Jung, từ góc độ ngôn ngữ, cho rằng: “Biểu tượng là một danh từ, một tên gọi hay một đồ vật tuy đã quen thuộc với ta hằng ngày, nhưng còn gọi thêm những ý nghĩa khác bổ sung vào ý nghĩa ước định, hiển nhiên và trực tiếp của nó” [1]. Từ cách hiểu về biểu tượng như trên, trong bài viết này, chúng tôi khảo sát biểu tượng đơn cá và biểu tượng sóng đôi cá - câu, lưới, lờ, đò, dăng,... trong ca dao dân ca Nam Bộ và xem chúng là phương tiện nghệ thuật của ca dao dân ca Nam Bộ. Qua đó, cũng chỉ ra rằng biểu tượng cá, cá - câu, lưới, lờ, dăng,... là kết quả của sự biểu trưng hóa nghệ thuật mang đậm dấu ấn văn hóa của cư dân nông nghiệp vùng sông nước.

### 2. Biểu tượng cá trên thế giới, ở Việt Nam và trong ca dao dân ca Nam Bộ

#### 2.1. Biểu tượng cá trên thế giới

Trong từ điển biểu tượng văn hóa thế giới [1, tr. 115-116], Jean Chevalier và Alain Gheerbrant

đã đưa ra các ý nghĩa khác nhau về biểu tượng cá. Cá là biểu tượng của nguyên tố nước, môi trường sống của nó. Trong văn hóa của người Khmer, cá được xem là con vật không trong sạch. Còn đối với người Do Thái, cá không được dùng trong các lễ hiến tế nhưng cho dùng để ăn, còn các giống động vật sống dưới nước khác đều không được ăn.

Jean Chevalier và Alain Gheerbrant còn cho rằng: “Là biểu tượng của nước, là vật cưỡi của thần biển Varuna, cá được liên hệ với sự sinh nở hoặc sự phục sinh theo chu kỳ... Và nếu Chúa Kitô thường được ví với người bắt cá thì những tín đồ Kitô giáo là cá, và nước rửa tội là môi trường tự nhiên của họ và là công cụ để hồi sinh cho họ, song bản thân Chúa cũng được hồi sinh bằng con cá” [1, tr. 115]. Ngoài ra, cá còn là biểu tượng của sự sống và tính mắn đẻ, do nó có khả năng sinh sản kỳ lạ với số trứng nhiều vô kể.

Trong tranh tượng tôn giáo của các dân tộc Ấn - Âu, cá còn là biểu tượng cho sự khống chế khả năng sinh sản của thế giới. Vì cá cũng như những thế lực siêu nhiên phân phát mưa, sự ẩm ướt, lũ lụt cho nhân loại.

Đối với các thổ dân Trung Mỹ, cá là biểu tượng của Thần Cây Ngô. Ở vùng Tiểu Á cổ xưa, như Anaximandre nói rõ, cá là cha là mẹ của cả loài người vì vậy không được ăn cá. Còn ở Trung Quốc, cá là biểu tượng của vận may, đặt kèm với con cò (trường thọ) thì cả hai có nghĩa: sống vui và may mắn.

Ở Ai Cập, dân chúng thường ăn cá tươi hoặc cá khô, nhưng những người nào đã được thiêng liêng hóa như vua hay giáo sĩ thì không được ăn. Theo những huyền thoại xa xưa nào đó, những sinh

<sup>(\*)</sup> Nghiên cứu sinh, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Cửu Long.

<sup>(\*\*)</sup> Học viên Cao học, Trường Đại học Đồng Tháp.

linh thần thánh của vua Busiris đã hóa thành loài cá Chromis, vì vậy phải tuyệt đối kiêng ăn cá.

Như vậy, có thể nói, biểu tượng cá mang những ý nghĩa rất khác nhau trong các nền văn hóa. Cá ngoài ý nghĩa là động vật có xương sống ở dưới nước, thở bằng mang và bơi bằng vây thì nó còn có thêm nhiều ý nghĩa bổ sung khác nhau tùy vào đặc điểm văn hóa của mỗi dân tộc.

## 2.2. Biểu tượng cá ở Việt Nam

Cá không chỉ cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào mà còn là biểu tượng mang nhiều ý nghĩa văn hóa, tâm linh trong đời sống của người Việt.

Trong cơ cấu bữa ăn của người Việt, cá là thực phẩm mang lại nguồn dinh dưỡng dồi dào: cơm - rau - cá. Trong nghề đánh bắt thủy, hải sản, cá được xem là đối tượng trung tâm của quá trình đánh bắt, điều này được thể hiện qua tên gọi: ngư nghiệp, ngư dân, ngư phủ, nghề đánh bắt cá.

Trong xã hội, cá được lấy làm biểu tượng để nói lên những triết lý nhân sinh của con người. Các bậc cha mẹ thường răn dạy con cái:

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Để chỉ sự vất vả, gian khổ của cha mẹ đối với con cái, dân gian thường nói cá chuối đấm đui vì con. Ngoài ra, chúng ta còn có thể kể thêm những cách nói khác, trong đó biểu tượng cá được dùng trong những kết cấu khác nhau biểu trưng cho những ý nghĩa khác nhau như: cá cả vực sâu có nghĩa là khó tiếp xúc được với những người có quyền cao, chức trọng; cá chậu chim lồng: tình cảnh tù túng, mất tự do; cá chép hóa rồng, cá vượt Vũ môn: người học trò thi đỗ, thời phong kiến; cá đã cắn câu: sau thời gian kiên trì mỗi chài, đối tượng đã đồng ý; cá chảng bén câu: người con gái không đồng ý kết duyên cùng người con trai; cá đối bằng đầu/ cá mè một lứa: ai cũng như ai, không phân biệt trên dưới (ý phê phán); cá gặp nước, rồng gặp mây: gặp được môi trường thuận lợi để thi thố năng lực; cá kể đầu, rau kể mớ: cần phân biệt từng món khi tính toán; cá lớn nuốt cá bé: kẻ mạnh lấn áp kẻ yếu; cá mạnh vì nước: đúng với môi trường của mình thì mới phát huy tác dụng; cá nằm trên thớt/ cá nằm tróc thớt/ cá nằm dưới dao: tính mạng, số phận lâm vào tình thế quần bách, nguy hiểm, khó thoát; cá no mồi cũng khó dữ lên: người đã đầy đủ thì không dễ bị mua

chוע; cá nước chim trời, cá bể chim ngàn: phiêu bạt khắp nơi, không biết đâu mà tìm; cá nước duyên ư: hai người hợp nhau như cá với nước; cá sống về nước: lời của người ăn mày kêu van để xin bố thí; cá thia quen chậu, chồn đèn quen hang: đã ở một nơi thì không thích chuyển đi nơi khác.

Trong nhận thức của người Việt, cá là một biểu tượng mang tính biểu trưng đa dạng và có tính thống nhất cao trong tâm lý dân tộc. Do đó, những ý nghĩa của biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ được chúng tôi phân tích sau đây không căn cứ vào thể đối lập có/không mà chủ yếu dựa vào mức độ đậm hơn so với các vùng khác.

## 2.3. Biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ

Theo khảo sát của chúng tôi, ca dao dân ca Nam Bộ có 264/4793 bài có chứa biểu tượng cá, chiếm tỉ lệ 5,5%. Đây là một tỉ lệ khá cao so với các biểu tượng khác. Biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ xuất hiện ở hai dạng: biểu tượng đơn cá và sóng đôi cá - câu, lưới, lờ,... Biểu tượng đơn cá có 196/264 bài, chiếm tỉ lệ 74,2%; biểu tượng sóng đôi cá - câu, lưới, lờ,... có 68/264 bài, chiếm tỉ lệ 25,8% [3] [4] [10].

Biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ được tạo dựng chủ yếu nhờ vào sự liên tưởng tương đồng về hình dáng, tính chất, đặc điểm. Để xây dựng biểu tượng đầy những bất ngờ, thú vị, tác giả dân gian Nam Bộ đã dựa vào tư duy liên tưởng. Trước hết là liên tưởng theo hình dáng: người méo miệng như cá lưỡi trâu, người trớt môi như cá trên bầu, người có ngoại hình dài, thô như cá trê; tính chất, đặc điểm: người con gái đẹp, có phẩm chất tốt như cá lý ngư, người con gái mất tự do như cá chậu, cá vô lờ, cá mắc lưới...

### 2.3.1. Biểu tượng đơn cá

Ca dao dân ca Nam Bộ sử dụng biểu tượng cá nói chung và các loài cá nói riêng để nói về con người. Đó là các loài như: cá rô, cá sặc, cá trê, cá lưỡi trâu, cá trên bầu, cá bóng, cá thu, cá lóc, cá thồn bơn, cá bả mực, cá lia thia, cá lý ngư, cá lòng tong, cá buôi, cá nước, cá vượt, cá sấu, cá he,...

Trước hết, tác giả dân gian Nam Bộ đã dùng biểu tượng cá để nói về con người:

Cá bóng đi tu,

Cá thu nó khóc,

*Cá lóc nó râu,  
Phải chi ngoài biển có cầu,  
Anh ra ngoài đó giải sầu cùng em.*

Tác giả dân gian còn dựa vào đặc điểm của từng loại cá để nói về con người:

*Cá lười trâu sấu ai méo miệng,  
Cá trên bầu nhiều chuyện trớt môi.*

Cá lười trâu có môi thuận dài, mõm bao quanh phía trước hàm khiến miệng chúng trông như bị méo; còn cá trên bầu có hàm dưới dài hơn hàm trên nên bị coi là trớt môi. Đây là bài ca dao hài hước nhưng có giá trị phê phán sâu sắc.

Cũng dựa vào hình dáng, tác giả dân gian đã ví cá trê - một loại cá nước ngọt da trơn, mình dài, đầu bẹt, mép có râu, vây ngực có ngạnh cứng như người con gái có dáng “dài thô”:

*Cá trê nhúc nhích trong hang,  
Cá rô chạy lại kêu nàng dài thô.*

Để chỉ sự bất cân xứng, sự không phân định tôn ti trật tự, tác giả dân gian dùng hình ảnh cá khác loại cá sặc - cá rô:

*Cá sặc mà rượt cá rô,  
Ăn nói xô bồ chẳng biết trước sau.*

Người Nam Bộ tương tác với môi trường sông nước một cách tự nhiên và thoải mái, điều này tạo nên một bức tranh ngôn ngữ đầy thú vị qua mô típ *thân em*. Nếu ca dao truyền thống thường ví *thân em như giếng giữa làng, như hạt mưa sa, như tấm lụa đào*,... thì ca dao Nam Bộ lại ví như các thực thể sông nước, chẳng hạn:

*Thân em như cá rô mê,  
Lao xao buổi chợ biết về tay ai?*

Bên cạnh đó, ca dao Nam Bộ còn sử dụng mô típ *đôi ta* cũng mang đậm dấu ấn sông nước:

*- Đôi ta như cá thồn bơn,  
Ở trên mặt nước, chờ cơn mưa rào.*

*- Hai đứa mình như cặp cá ở đìa,  
Ngày thì ăn lể, tối vừa (về) ngủ chung.*

*- Hai đứa mình như con sấu tắm ao sâu,  
Ban ngày xa cách nhưng tối đâu đâu cũng về.*

Ngoài ra, ca dao dân ca Nam Bộ còn sử dụng biểu tượng cá chép (cá lý ngư) gắn liền với sự tích cá chép vượt vũ môn hóa rồng. Cá chép sống lâu nên trở thành biểu tượng của ước vọng trường thọ. Cá chép còn là vật để cưới và là sứ giả của thần tiên. Ở Việt Nam, cá chép đưa ông Táo lên trời vào ngày 23 tháng Chạp. Trong tâm thức người

Việt, cá hóa long/ cá hóa rồng (cá vượt vũ môn) là ví người học trò đi thi được đỗ đạt vinh hiển; cũng dùng để ví người thành đạt hoặc được thỏa chí, toại nguyện. Vì lẽ đó, ca dao dân ca Nam Bộ có những bài như:

*- Ngày nào nên ngãi vợ chồng,  
Đôi lứa ta như thể cá hóa rồng lên mây.*

*- Bậu chê anh quân tử lỗ thì,  
Anh tử như con cá ở cạn chờ khi hóa rồng.*

Với tâm thức văn hóa sông nước, ca dao dân ca Nam Bộ còn biến vũ môn (vũ môn) thành một “công cụ đánh bắt” đầy thú vị:

*Anh như cái võ môn cao không xiết kể,  
Ngăn ngoài cửa bể.*

*Đợi cá lý ngư về,*

*Kiếp tu em còn vụng, khôn bề thoát qua.*

Có thể nói, cá hóa rồng là một biểu tượng của trí tưởng tượng phong phú của người xưa qua thực tế sinh động của tự nhiên. Qua đó, dân gian đã tạo nên giá trị văn hóa đặc sắc. Càng đặc sắc và độc đáo hơn khi dân gian đã Nam Bộ hóa vũ môn thành anh - công cụ đánh bắt và cá lý ngư - em rất Nam Bộ.

Trong ca dao dân ca Nam Bộ, biểu tượng cá xuất hiện chủ yếu là cá nói chung hay các loài cá nói riêng và tình cảnh, điều kiện sống của chúng như cá ở ao (*Em có chồng như cá ở ao/ Anh vô không đặng biết bao nhiêu sấu*), cá ở bể (*Bể sấu con cá vẫy vùng/ Trời cao muôn trượng, cánh chim hồng cao bay*), cá lên khỏi nước (*Cá lên khỏi nước cá khô/ Làm thân con gái lả lổ ai khen*), cá trên thớt (*Cá lên trên thớt, hết nhớt con cá khô/ Gặp gái không gheo, trai khờ gái chề*), cá trong chậu (*Vịt nằm bờ mía rĩa lông/ Cá chậu chim lồng bao thuở gặp nhau*), cá vô lờ (*Con cá vô lờ đặng vĩ thối nan/ Em chê anh nghèo khổ, kiếm chỗ giàu sang mà nhờ*)... để hình dung con người trong cuộc đời với những hoàn cảnh cụ thể khác nhau.

Như vậy, biểu tượng cá trong ca dao dân ca Nam Bộ được liên tưởng đến từng loại người cụ thể hay con người nói chung. Đôi khi, dựa vào môi trường, hoàn cảnh sống của cá, tác giả dân gian còn liên tưởng đến những cảnh đời khác nhau.

### 2.3.2. Biểu tượng sóng đôi cá - câu

Trong ca dao dân ca Nam Bộ, biểu tượng cá còn kết hợp sóng đôi với câu, lưới, lờ, đặng, sa, chài,... để tạo nên những liên tưởng thú vị. Trong

đó, biểu tượng cá - câu xuất hiện nhiều hơn cả. Với biểu tượng sóng đôi cá - câu, lưới, lờ, dăng, sa, chài, ... thì cá thường biểu trưng cho cô gái, chỉ duy nhất một trường hợp cá biểu trưng cho chàng trai (*Nàng như chim nọ đương bay/ Anh như con cá mắc rày lưới giăng*); còn câu, lưới, lờ, dăng, sa, chài, ... biểu trưng cho chàng trai hoặc thái độ, tình cảm của chàng trai.

Trong bài ca dao sau đây, cá là cô gái, câu là lời bày tỏ, thuyết phục của chàng trai:

*Gắm trong thế sự nực cười*

*Một con cá lội nhiều người buông câu.*

và khi cá ăn câu là một kết quả đúng như mong đợi của các chàng trai.

Biểu tượng sóng đôi cá - câu được tác giả dân gian Nam Bộ sử dụng theo lối tư duy hai chiều. Nếu cá ăn câu đồng nghĩa với việc cô gái yêu chàng trai là điều đúng đắn, còn như không yêu là sự sai lầm, đại khờ.

*Cá không ăn câu thật là con cá đại,*

*Bởi câu anh cầm, câu ngãi câu non.*

Bên cạnh đó, tác giả dân gian Nam Bộ còn cho rằng không phải lúc nào cá ăn câu - cô gái chấp nhận tình yêu của chàng trai cũng là điều đúng đắn.

*- Cá không ăn câu thật là con cá đại,*

*Vác cần câu về nghĩ lại con cá khôn.*

*- Cá không ăn câu chê rằng con cá đại,*

*Cá mắc câu rồi nói tại cá tham ăn.*

Trong tình yêu, các chàng trai thường dùng những lời như mật ngọt rót vào tai khiến bao cô gái động lòng. Tuy nhiên, quyết định cuối cùng vẫn là ở phía những cô gái. Họ phải đủ bản lĩnh để phát hiện đâu là người chân thật/ giả dối và đâu là điều chân thật/ dối trá để có lựa chọn đúng đắn.

Môi trường sông nước là đặc điểm tự nhiên nổi trội ở Nam Bộ. Điều này tác động mạnh mẽ đến tư duy ngôn ngữ của cư dân nơi đây. Nó chi phối cách con người biểu trưng hóa ý niệm thông qua các biểu tượng cụ thể. Tác giả dân gian nói về công sức của chàng trai đã bỏ ra trong tình yêu nhưng vẫn bị mất người yêu một cách rất sông nước:

*- Tiếc công lao đào ao thả cá,*

*Bao tháng chầy người lạ đến câu.*

*- Tiếc công đắp đập be bờ,*

*Để ai quảy đó mang lờ đến đơm.*

Bài ca dao đã dùng ao để nói việc thả cá, câu. Đào ao thả cá: một ngữ đoạn ẩn dụ, nói lên công sức của người con trai đã bỏ ra để lo lắng, chăm sóc cho người con gái. Thế nhưng, chàng trai đã không được hưởng hạnh phúc từ công sức mình đã bỏ ra mà bị người khác dành mất (câu). Đây là cách nói rất ý nhị, sâu lắng. Tương tự, đắp đập be bờ cũng là ngữ đoạn ẩn dụ nói về công sức vun vén cho tình yêu của chàng trai; quảy đó mang lờ đến đơm chỉ hành động đoạt quyền sở hữu về mình của chàng trai khác.

Có lẽ người Nam Bộ sống trong môi trường sông nước, tương tác với sông nước nên tư duy của họ thường mềm mại, uyển chuyển như dòng nước. Họ nhìn nhận vấn đề không hoàn toàn dựa vào những đặc trưng cố hữu của chúng mà tương ứng với những đặc trưng tương tác. Thông thường, cá trong chậu, ao, đìa là chỉ tình cảnh mất tự do, chỉ sự đã rồi của cô gái. Thế nhưng bài ca dao Nam Bộ sau đây lại có ý nghĩa khác hẳn:

*Mặt nhìn trăng, trăng lại còn khuya,*

*Muốn quăng câu sợ cá mè đìa không ăn.*

Chàng trai muốn bày tỏ tình cảm, muốn tháo cũi sổ lồng cho cô gái nếu cô gái không được hạnh phúc nhưng liệu ý định bày tỏ tình cảm, giải phóng cho cô gái của chàng trai có nên chăng vì có thể cô ấy đang sống trong hạnh phúc.

Ngoài sự kết hợp cá với các công cụ đánh bắt như câu, lờ, lưới, chài, dăng, ... ca dao dân ca Nam Bộ còn kết hợp với chim để chỉ người nữ và người nam hay tình yêu nam nữ rất nhân văn:

*- Chim kia xốt cá trên trời,*

*Phút đầu gió thổi rã rời cá chim.*

*- Con cò núp bụi lúa xanh,*

*Chờ con cá đến như anh chờ nàng.*

*Con cò núp bụi lúa vàng,*

*Chờ con cá đến như nàng chờ anh.*

Sông nước và những thực thể liên quan đến sông nước có vai trò to lớn trong cách lựa chọn biểu tượng của người Nam Bộ để bày tỏ ý niệm của mình. Chẳng hạn, để chỉ những kẻ vô ơn bội nghĩa, tác giả dân gian đã dùng biểu tượng cá - nơm bên cạnh chim - ná:

*Trách ai dặng cá quên nơm,*

*Đặng chim bẻ ná, quên ơn, vội thù.*

Có thể nói, những thực thể liên quan đến sông nước có một vai trò rất quan trọng trong đời

sống vật chất và tinh thần của người Nam Bộ. Cá và các công cụ đánh bắt cá như *câu, lưới, lờ, dăng, đò*,... xuất hiện nhiều trong ca dao dân ca Nam Bộ phản ánh một đặc điểm của nền văn hóa vật chất - văn hóa đánh bắt thủy sản. Như một quy luật tất yếu, qua tương tác với các thực thể liên quan đến sông nước, con người có được những kinh nghiệm từ chính môi trường này. Điều này đã để lại dấu ấn sâu đậm trong ngôn ngữ diễn đạt, trong cách thể hiện ý niệm của người Nam Bộ.

### 3. Kết luận

Biểu tượng cá, cá - câu, lưới, lờ, dăng, đò,... trong ca dao dân ca Nam Bộ là biểu hiện sinh động của nền văn minh kênh rạch. Biểu tượng cá, cá - câu, lưới, lờ, dăng, đò,... có chức năng là vật thay thế, nó bắc những chiếc cầu để cho trí tưởng tượng của con người bay cao, bay xa. Nó nối liền vật chất và tinh thần, tự nhiên và văn hóa.

Biểu tượng cá, cá - câu, lưới, lờ, dăng, đò,... trong ca dao dân ca Nam Bộ phản ánh giá trị địa

văn hóa Nam Bộ. Đây là vùng *cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn*. Do vậy, từ môi trường tự nhiên, con người đã cấu trúc hóa thành những tác phẩm truyền miệng đầy ý nghĩa qua bao thế hệ.

Mỗi dân tộc có một quan niệm khác nhau về thế giới động vật. Tuy nhiên, trong tư duy liên tưởng của nhân loại, thế giới động vật không chỉ là những sinh vật của tự nhiên mà còn thâm nhập vào đời sống tinh thần của con người. Động vật được nhân hóa hay mang ý niệm của con người. Biểu tượng cá *lưới trâu, cá trên bầu, cá bóng, cá thu, cá lóc, cá cắn câu, cá ở đĩa, cá ở trong lờ, cá hóa long*,... đã tạo nên một bức tranh tuyệt mỹ cho sự chuyển hóa, sự khăng khít giữa người và vật. Chúng tôi cho rằng, không lời nào giải thích thấu đáo hơn bài ca dao Nam Bộ sau, vì vậy chúng tôi mượn lời bài ca dao này để tạm khép lại bài viết của mình:

*Chữ rằng: nhơn vật đạo đồng,*

*Tuy không biết nói mà lòng biết suy.*

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
- [2]. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận* (ghi chép và suy nghĩ), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị (1984), *Ca dao dân ca Nam Bộ*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [4]. Khoa Ngữ Văn, Đại học Cần Thơ (1999), *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Giáo dục.
- [5]. Trần Văn Nam (2008), *Cảm nhận ca dao Nam Bộ*, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- [6]. Trịnh Sâm (2011), “Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt”, *Ngôn ngữ*, Số 12, tr. 1-15.
- [7]. Trịnh Sâm (2013), “Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Số 46, tr. 5-12.
- [8]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [9]. Nguyễn Đức Tôn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy của người Việt (trong sự so sánh với dân tộc khác)*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Huỳnh Ngọc Trảng (2006), *Ca dao dân ca Nam kỳ lục tỉnh*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.

## FISH SYMBOLISM IN THE SOUTHERNERS' FOLK VERSES

### Summary

Symbolism is to replace one thing for another, which indicates specifically humans' unlimited imaginations and also marks national culture. For Vietnamese people in general and the Southerners in particular, fish is a cultural symbol bearing a profound mark of agricultural residents in the watery region. This paper investigates fish symbolism in the Southerners' folk verses; thereby it points out that fish is personified or has the implication of man. This symbol creates a picture of transformation and close relationship between man and animals.

Keywords: symbol, fish, the Southerners' folk verses.